

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 12/4/2018

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sự

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hồng Luyến

Bà Bùi Kim Rết

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Đức - Thư ký TAND tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông La Minh Dũng-
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2018 về việc “Xin ly hôn”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 250/2017/HNGĐ-ST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2018/QĐ-PT ngày 20/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Diệu H

Địa chỉ: xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: Ông Phạm Tùng H1

Địa chỉ: xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Người kháng cáo: Ông Phạm Tùng H1

(Bà H, ông H1 có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án:

* Nguyên đơn bà Phạm Thị Diệu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận X, Thành phố Hồ Chí

Minh. Quá trình sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau nguyên nhân là do ông H1 đã sống chung với người phụ nữ khác. Nay bà cảm thấy tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H1 để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Có 03 con chung là Phạm Nhật M, sinh năm 1990; Phạm Minh Nh, sinh năm 1998 và Phạm Minh T, sinh ngày 02/5/2005. Sau khi ly hôn đối với cháu M và cháu Nh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu T bà xin được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời bà không yêu cầu ông H1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Tài sản chung gồm:

Nhà 1 gắn liền thửa đất số 404 tờ bản đồ 33 xã P, TP. B, Đồng Nai

Nhà 2 gắn liền thửa đất số 423 tờ bản đồ 33 xã P, TP. B, Đồng Nai

Thửa đất số 223 tờ bản đồ 33 xã P, TP. B, Đồng Nai

Nhà và đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà.

Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

- Về nợ chung: không có.

** Tại bản tự khai ngày 03/5/2017 bị đơn ông H1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau từ năm 1998, đến năm 2005 mới đi đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân phường T, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình sống hạnh phúc bình thường tuy đôi lúc cũng có mâu thuẫn nhưng đã giải quyết xong, nên nay bà H xin ly hôn ông không đồng ý vì ông vẫn còn thương bà H.

- Về con chung: Có 03 con chung Phạm Nhật M, sinh năm 1990; Phạm Minh Nh, sinh năm 1998 và Phạm Minh T, sinh ngày 02/5/2005. Sau khi ly hôn đối với cháu M và cháu Nh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu T thì tùy theo nguyện vọng của cháu. Trong trường hợp cháu muốn sống chung với bà H thì ông không cấp dưỡng nuôi con chung, nếu cháu T muốn sống chung với ông thì ông không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Có 03 thửa đất như bà H trình bày

- Về nợ chung: sẽ tính toán và trình bày sau.

** Tại bản án sơ thẩm số 250/2017/HNGĐ-ST ngày 28/8/2017, Tòa án nhân dân thành phố B đã tuyên xử:*

Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu của bà Phạm Thị Diệu H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Diệu H được ly hôn với ông Phạm Tùng H1.

Về con chung: Có 03 con chung Phạm Nhựt M, sinh năm 1990; Phạm Minh Nh, sinh năm 1998 và Phạm Minh T, sinh ngày 02/5/2005. Đối với cháu M và cháu Nh đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Giao cháu Phạm Minh T cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H1 có quyền và nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét giải quyết.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các bên đương sự trong vụ án.

- Ngày 06/11/2017 bị đơn ông Phạm Tùng H1 nộp đơn kháng cáo với lý do bản án sơ thẩm không xem xét yêu cầu của đương sự về tài sản chung, nợ chung, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân, con chung: Ông H1 không kháng cáo nên phần quyết định về nội dung này của cấp sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

+ Quan hệ tài sản chung, nợ chung: Lời khai của ông H1 và bà H không thống nhất về nợ chung, chưa có yêu cầu rõ ràng về việc phân chia tài sản chung. Lễ ra cấp sơ thẩm phải thông báo cho ông H1 biết việc bà H rút yêu cầu chia tài sản chung, lấy ý kiến của ông H1 về việc có yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung hay không, nếu có thì nộp đơn yêu cầu và nộp tạm ứng án phí. Sau khi kháng cáo, ông H1 cung cấp 07 giấy nhận nợ với tổng số tiền 3.600.000đ (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng). Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của bà H để xác định nợ chung không có, không đặt ra giải quyết là không đúng pháp luật, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, gây thiệt hại đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

Từ phân tích trên, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông H1, hủy một phần bản án sơ thẩm về quan hệ tài sản chung, nợ chung; chuyển hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại vụ án về phần tài sản chung, nợ chung theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Ngày 03/11/2017, Tòa án nhân dân thành phố B tổng đạt bản án sơ thẩm cho bị đơn ông Phạm Tùng H1 do ông H1 vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 06/11/2017 ông H1 nộp đơn kháng cáo, ngày 08/11/2017 ông H1 nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Như vậy ông H1 nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên kháng cáo được thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, bị đơn xác định giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về phạm vi giải quyết phúc thẩm:

Bị đơn ông Phạm Tùng H1 xác định kháng cáo bản án sơ thẩm đối với phần tài sản chung và nợ chung, không kháng cáo nội dung về quan hệ hôn nhân và con chung. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, cấp phúc thẩm chỉ xem xét phần nội dung của bản án sơ thẩm bị kháng cáo là quan hệ tài sản chung, nợ chung; các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về tài sản chung:

Nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất về số lượng tài sản chung. Trong quá trình giải quyết sơ thẩm ngày 03/7/2017 nguyên đơn bà H đã rút yêu cầu chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà H là có căn cứ.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không thông báo việc này cho ông H1, không lấy lời khai của bị đơn về việc có yêu cầu chia tài sản chung hay không trong khi ông H1 chưa có lời khai thể hiện ý kiến đối với việc xử lý khối tài sản chung trong trường hợp cho ly hôn là chưa giải quyết triệt để các quan hệ trong vụ án.

[2.3] Về nợ chung: Tại bản tự khai ngày 03/5/2017 ông H1 xác định sẽ tính toán và trình bày về khoản nợ chung của vợ chồng sau. Bản án sơ thẩm xác định

cả ông H1 bà Hạnh khai không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết trong khi chưa làm rõ những nội dung mà ông H1 chưa trình bày là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Ông H1 cung cấp thêm một số tài liệu liên quan đến việc vay mượn tiền của một số cá nhân trong thời kỳ hôn nhân và cho rằng các tài liệu này đã cung cấp Tòa án cấp sơ thẩm nhưng không được xem xét giải quyết. Ngoài lời trình bày, ông H1 không chứng minh được việc đã nộp tài liệu chứng cứ trên nên lời khai này không được chấp nhận.

Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên cấp sơ thẩm chưa làm hết trách nhiệm trong việc giải quyết quan hệ về chia tài sản chung của vợ chồng, chưa thu thập đầy đủ chứng cứ để xác định nghĩa vụ của vợ chồng đối với nợ chung khi giải quyết yêu cầu xin ly hôn làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H1, hủy một phần bản án sơ thẩm về nội dung giải quyết tài sản chung, nợ chung.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Tùng H1. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 250/2017/HNGĐ-ST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B về phần tài sản chung, nợ chung. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại phần tài sản chung, nợ chung theo thủ tục sơ thẩm.

- Áp dụng các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà Phạm Thị Diệu H.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Diệu H về việc xin ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Diệu H được ly hôn với ông Phạm Tùng H1.

- Về con chung: Giao con chung là Phạm Minh T, sinh ngày 02/5/2005 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các con chung là Phạm Nhựt M, sinh năm 1990, Phạm Minh Nh, sinh năm 1998 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

Ông H1 có quyền và nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Diệu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà theo biên lai thu số 008783 ngày 05/4/2017.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Diệu H 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tạm ứng án phí có giá ngạch đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số 008784 ngày 05/4/2017.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả ông Phạm Tùng H1 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. B theo biên lai thu số 003310 ngày 08/11/2017.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Công Sự (đã ký)

Các Thẩm phán: Vũ Hồng Luyện- Bùi Kim Rết (đã ký)